

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28/8/2021

V/v “Ly hôn, tranh về chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn và ông Nguyễn Văn Tư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quy ết định 100/2013/QĐ-T Ờng của Hội đồng Nhà nước quy định về tố tụng dân sự số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thu T, sinh năm 1998

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: Số nhà 08, ngõ 1126, đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

****Bị đơn:*** Anh Phạm Văn K, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số nhà 23A, ngõ 69, tổ 4, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thu T trình bày:***

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 27/11/2019 chị có đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn K tại UBND phường Mỹ Độ, thành phố B dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, sống hòa thuận. Vợ chồng chung sống được 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K nhiều lần lấy xe máy và tài sản của mình đi găm cầm, sau đó tiếp tục cầm đến xe của chị, là tài sản của bố mẹ để chị cho chị khi chị đi lấy

chồng. Sau đó trong một thời gian ngắn tiếp tục cấm xe và nhiều tài sản khác nữa. Hiện tại anh K không có việc làm, dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thay đổi được tình hình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh K để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Khi vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì hiện tại cháu còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm tiếp thị ở công ty thực phẩm Uniben, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 02/8/2021 bị đơn là anh Phạm Văn K trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh đăng ký kết hôn với chị Bùi T K ngày 27/01/2019 tại UBND phường Mỹ Độ, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống ở tại gia đình anh ở tổ 4, phường Mỹ Độ. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng anh phát sinh từ tháng 10/2020 do vấn đề quan điểm và kinh tế. Chị T đã đưa con về nhà mẹ để sống từ tháng 4/2021 đến nay. Vợ chồng anh đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định ly hôn thì anh đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị có một con chung là cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Khi vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung vì hiện tại cháu còn nhỏ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản làm việc ngày 02/8/2021, ông Đặng Văn Biên, sinh năm 1966, là bố đẻ anh K trình bày: Ông là bố đẻ của anh K, đã sống cùng anh K từ lâu. Chị T và anh K kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn thì anh chị về sống cùng gia đình ông. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn được khoảng một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K hay chơi bời, không lo làm ăn và chăm sóc vợ con. Chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 4/2021 đến nay. Vợ chồng hiện đã ly

thân. Về con chung, vợ chồng anh K có một con chung là cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Hiện chị T là lao động tự do, tôi không rõ thu nhập bao nhiêu còn anh K đi làm công ty thu nhập bao nhiêu.

Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2021, ông Phan Đình Thiện là tổ trưởng tổ 4, phường Mỹ Độ cung cấp: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn K kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại địa phương. Vợ chồng sống với nhau được khoảng một năm thì đến khoảng tháng 4/2021 không biết vì lý do gì mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sống, hiện chị T và cháu đã tách khẩu không còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nữa. Vợ chồng hiện đã ly thân. Hiện nay chị T làm nghề tự do, tôi không rõ thu nhập bao nhiêu, anh K hiện nay không rõ làm nghề gì.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu: Về việc chấp hành các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng; bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định (vắng mặt không lý do tại phiên họp, phiên hòa giải). Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn K; về con chung giao cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về án phí chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Không có kiến nghị, khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh K sinh sống trên địa bàn thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn K kết hôn ngày 27/11/2019, trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh K là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thấy: thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không có công ăn việc làm, không chăm sóc vợ con. Chị T đã đưa con về nhà bố mẹ để sống từ tháng 4/2021, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn, anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thu T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có một con chung là cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020. Hiện nay cháu Duy đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Anh cũng đồng ý để cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Đức Duy chưa được 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T hoàn toàn đảm bảo được điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.2] Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thu T được ly hôn anh Phạm Văn K

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 31/8/2020 cho chị Bùi Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Bùi Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002316 ngày 14/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- UBND phường Mỹ Độ, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng